

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**CAO THANH SON**

**PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HUYỆN CAM LỘ,  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**Chuyên ngành: Kinh tế phát triển**  
**Mã số: 60.31.01.05**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**

**Đà Nẵng – Năm 2016**

Công trình được hoàn thành tại  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: **GS.TS. VÕ XUÂN TIẾN**

**Phản biện 1: TS. Lê Bảo**

**Phản biện 2: TS. Cao Anh Dũng**

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Kinh tế phát triển họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 20 tháng 08 năm 2016.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Cam Lộ là một huyện gồm cả đồng bằng và miền núi, gần như trung tâm của tỉnh Quảng Trị, đây là một huyện thuần nông, có nhiều tiềm năng để phát triển sản xuất nông nghiệp. Huyện Cam Lộ có tổng diện tích 367,4 km<sup>2</sup>, trong đó diện tích đất nông nghiệp - lâm nghiệp là 28.300 ha; địa hình của huyện có thể chia làm hai khu vực chính: khu vực đồng bằng phía ở Đông và khu vực gò đồi đất dốc phân bố chủ yếu ở phía Tây.

Với cơ sở hạ tầng đã được nâng cấp và hoàn thiện hơn, trong những năm gần đây chương trình nông thôn mới của huyện Cam Lộ đạt được những kết quả rất khả quan, góp phần tích cực trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của huyện. Song, do ảnh hưởng của các nhân tố như vốn đầu tư, điều kiện khí hậu, địa hình và phong tục tập quán trong sản xuất cũng đã ảnh hưởng rất lớn đến phát triển nông nghiệp của huyện. Bên cạnh đó diện tích đất nông nghiệp đang giảm dần nhường chỗ cho phát triển các khu công nghiệp, nhà máy và các mục đích phi nông nghiệp khác dẫn đến việc cần phải rà soát, điều chỉnh lại quỹ đất đai để bố trí sản xuất nông nghiệp hợp lý với phát triển chung của huyện. Do đó, để nâng cao giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp cũng như tìm ra hướng đi mới phù hợp với tình hình thực tiễn trên địa bàn huyện, cùng với những lý do trên và những kiến thức, kinh nghiệm của mình tôi chọn đề tài “*Phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị*”.

### 2. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở lý luận về phát triển nông nghiệp gắn với những phân tích, đánh giá từ thực trạng phát triển nông nghiệp của huyện để đề xuất các giải pháp nhằm phát triển nông nghiệp của huyện một cách toàn diện và hiệu quả.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

- Đối tượng nghiên cứu của luận văn là lý luận và thực tiễn về phát triển nông nghiệp huyện Cam Lộ.

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Nội dung nghiên cứu: Các vấn đề về nông nghiệp, nông thôn của huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị theo nghĩa hẹp;

+ Không gian: Đề tài tập trung nghiên cứu các nội dung trên địa bàn huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

+ Thời gian: Nghiên cứu thực trạng phát triển nông nghiệp giai đoạn 2009 - 2014. Các giải pháp đề xuất trong luận văn có ý nghĩa trong những năm tới.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

- Tiếp cận nghiên cứu theo phương pháp phân tích thực chứng, phương pháp phân tích chuẩn tắc

- Phương pháp thu thập thông tin thứ cấp

- Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu, so sánh

- Các phương pháp khác,...

### **5. Bố cục của luận văn**

Ngoài phần mục lục, mở đầu, tài liệu tham khảo, luận văn chia làm 3 Chương như sau:

- Chương 1. Một số vấn đề lý luận về phát triển nông nghiệp

- Chương 2. Thực trạng phát triển nông nghiệp huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị trong thời gian qua.

- Chương 3. Giải pháp để phát triển nông nghiệp huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị thời gian tới.

### **6. Tổng quan tài liệu**

## CHƯƠNG 1

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

## 1.1. KHÁI QUÁT VỀ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

### 1.1.1. Một số khái niệm

#### *a. Nông nghiệp*

Nông nghiệp là ngành sản xuất cơ bản của xã hội, cung cấp những sản phẩm thiết yếu như lương thực, thực phẩm cho con người. Theo nghĩa rộng nông nghiệp gồm 3 lĩnh vực là nông, lâm và ngư nghiệp. Theo nghĩa hẹp ngành nông nghiệp gồm: *trồng trọt, chăn nuôi và dịch vụ*.

#### *b. Phát triển nông nghiệp*

Là một tổng thể các biện pháp nhằm tăng sản phẩm nông nghiệp để đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường trên cơ sở khai thác các nguồn lực trong nông nghiệp một cách hợp lý và nâng cao hiệu quả của sản xuất.

#### *c. Phát triển nông nghiệp bền vững*

Nền nông nghiệp phát triển bền vững phải bảo đảm được mục đích là tạo ra một hệ thống bền vững về mặt kinh tế, xã hội và môi trường.

#### *d. Phân biệt giữa tăng trưởng và phát triển nông nghiệp*

Tăng trưởng và phát triển nông nghiệp có quan hệ với nhau, tăng trưởng là điều kiện cho sự phát triển nông nghiệp.

### 1.1.2. Ý nghĩa của phát triển nông nghiệp

#### *a. Phát triển nông nghiệp có đóng góp về thị trường*

#### *b. Phát triển nông nghiệp góp phần tăng trưởng nền kinh tế ổn*

*định*

#### *c. Góp phần xóa đói, giảm nghèo và bảo đảm an ninh lương thực*

#### *d. Phát triển nông nghiệp góp phần phát triển nông thôn*

### **1.1.3. Đặc điểm của sản xuất nông nghiệp**

- Sản xuất nông nghiệp có tính vùng.
- Tư liệu sản xuất chủ yếu không thể thiếu đó là đất đai.
- Đối tượng của sản xuất nông nghiệp là cây trồng, vật nuôi.
- Sản xuất nông nghiệp mang tính thời vụ cao.

## **1.2. NỘI DUNG CỦA PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP**

### **1.2.1. Gia tăng số lượng các cơ sở SXNN**

Gia tăng số lượng cơ sở SXNN nghĩa là làm tăng về số lượng, quy mô, chất lượng các cơ sở SXNN qua các năm và yêu cầu năm sau phải cao hơn năm trước. Gia tăng số lượng các cơ sở SXNN sẽ góp phần tạo ra nhiều sản phẩm đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân, yêu cầu về cả số lượng và chất lượng và đóng góp vào phát triển kinh tế xã hội.

Các loại hình cơ sở SXNN là: (i) Kinh tế hộ gia đình, (ii) kinh tế trang trại, (iii) Hợp tác xã, (iv) Các doanh nghiệp nông nghiệp, (v) Hoạt động của hệ thống cung ứng dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp.

Các tiêu chí về gia tăng các cơ sở sản xuất nông nghiệp:

- Số lượng các cơ sở sản xuất qua các năm (tổng số và từng loại).
- Mức tăng về số lượng của các cơ sở sản xuất.
- Tốc độ tăng của các cơ sở sản xuất.

### **1.2.2. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp hợp lý**

Cơ cấu sản xuất nông nghiệp là tổng thể các ngành, lĩnh vực, bộ phận trong SXNN với vai trò, vị trí của các thành phần hợp thành theo tỷ lệ tương xứng ổn định trong một thời nhất định.

Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp hợp lý là chuyển dịch vai trò, vị trí và tỷ lệ hợp thành của các ngành, lĩnh vực, bộ phận trong sản xuất nông nghiệp theo hướng hợp lý nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao.

- Cơ cấu ngành nông nghiệp chuyển dịch theo hướng từ nền nông nghiệp độc canh, tự cung tự cấp thành nền nông nghiệp hàng hóa và cao hơn là nông nghiệp thương mại hóa. Tăng tỷ trọng chăn nuôi, dịch vụ nông nghiệp, giảm tỷ trọng ngành trồng trọt.

- Đối với ngành trồng trọt xu hướng chuyển dịch hợp lý là giảm dần diện tích cây lương thực, tăng diện tích cây ăn quả, cây rau, cây công nghiệp.

- Đối với ngành chăn nuôi, chuyển dịch theo hướng sử dụng các giống vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, có giá trị kinh tế cao, có thị trường tiêu thụ ổn định thay cho những vật nuôi có giá trị kinh tế thấp.

Tiêu chí đánh giá chuyển dịch cơ cấu SXNN:

- Tiêu chí phản ánh cơ cấu kết quả sản xuất: Giá trị sản xuất và tỷ trọng giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp trong GDP; giá trị sản xuất và tỷ trọng giá trị sản xuất của nội bộ ngành nông nghiệp.

- Tiêu chí phản ánh sự chuyển dịch cơ cấu các nguồn lực: Cơ cấu diện tích các loại cây trồng, tỷ trọng lao động nông nghiệp;...

### **1.2.3. Gia tăng các yếu tố nguồn lực**

Các nguồn lực trong nông nghiệp bao gồm đất đai, lao động, vốn, khoa học và công nghệ, cơ sở vật chất kỹ thuật.... Tốc độ tăng trưởng và phát triển nông nghiệp có thể nói là được quyết định bởi quy mô về số lượng, chất lượng của các nguồn lực đượg huy động.

#### ***a. Đất đai được sử dụng trong nông nghiệp***

Đất đai là tư liệu sản xuất chủ yếu không bị hao mòn và đào thải khỏi quá trình sản xuất; đất đai (Ruộng đất) được sử dụng trong nông nghiệp tăng lên theo hướng tập trung theo yêu cầu phát triển của sản xuất hàng hóa và phát triển nông nghiệp.

Tiêu chí đánh giá: Đất đai nông nghiệp, đất canh tác trên một nhân khẩu, một lao động càng cao là điều kiện thuận lợi cho phát triển nông nghiệp.

### ***b. Lao động nông nghiệp***

Nguồn lao động nông nghiệp là tổng thể sức lao động tham gia vào hoạt động SXNN, bao gồm số lượng và chất lượng của người lao động.

Đặc điểm của lao động nông nghiệp là có tính thời vụ cao và là thứ lao động tất yếu, xu hướng có tính quy luật không ngừng thu hẹp về số lượng và được chuyển một bộ phận sang các ngành khác.

Chất lượng lao động nông nghiệp tăng lên khi nâng cao trình độ văn hóa, trình độ kỹ thuật, trình độ nghiệm vụ của người lao động. Tiêu chí phản ánh tăng chất lượng lao động là các yếu tố về tri thức, kỹ năng, kinh nghiệm, truyền thống, bí quyết công nghệ...

### ***c. Vốn trong nông nghiệp***

Vốn trong nông nghiệp được biểu hiện bằng tiền của tư liệu lao động và đối tượng lao động được sử dụng vào quá trình SXNN. Các biện pháp tạo vốn và nâng cao sử dụng vốn có hiệu quả trong nông nghiệp sẽ rất có ý nghĩa, góp phần thúc đẩy nông nghiệp phát triển.

### ***d. Cơ sở vật chất – kỹ thuật nông nghiệp***

Hệ thống cơ sở vật chất- kỹ thuật phục vụ nông nghiệp ngày càng hoàn thiện và phát triển gồm công cụ máy móc, hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ SXNN gồm giao thông, thủy lợi; hệ thống dịch vụ trồng trọt và chăn nuôi.

### ***e. Công nghệ sản xuất trong nông nghiệp***

Công nghệ theo nghĩa chung nhất là tập hợp những hiểu biết về các phương thức và phương pháp vào cải tạo tự nhiên, phục vụ các nhu cầu con người.

### ***g. Tiêu chí đánh giá gia tăng việc sử dụng các yếu tố nguồn lực***

- Diện tích và tình hình sử dụng đất; năng suất ruộng đất qua các năm.

- Lao động và chất lượng lao động qua các năm.
- Tổng số vốn đầu tư và mức đầu tư trên diện tích.



- Số lượng và giá trị cơ sở vật chất – kỹ thuật trong nông nghiệp; mức tăng và tốc độ tăng của cơ sở vật chất trong nông nghiệp.
- Giống mới và tỷ lệ giống mới trong tổng số.

#### **1.2.4. Nông nghiệp có trình độ thâm canh cao**

Thâm canh trong nông nghiệp là đầu tư thêm tư liệu sản xuất và sức lao động trên một đơn vị diện tích, hoàn thiện không ngừng cách biện pháp kỹ thuật, tổ chức và những yếu tố khác của sản xuất với mục đích nâng cao độ phì nhiêu kinh tế của ruộng đất nhằm tạo ra được nhiều sản phẩm trên một đơn vị diện tích, với chi phí thấp trên một đơn vị sản phẩm.

Tiêu chí để đánh giá trình độ thâm canh trong nông nghiệp: Mức đầu tư trên đơn vị diện tích đất, trên lao động nông nghiệp; Diện tích đất trồng trọt được tưới, tiêu bằng hệ thống thủy lợi; Diện tích đất trồng trọt được cày máy; Số lượng máy kéo, máy gặt sử dụng trong SXNN; Năng suất cây trồng, vật nuôi; Năng suất lao động xã hội của ngành nông nghiệp.

#### **1.2.5. Các hình thức liên kết kinh tế tiến bộ**

Liên kết kinh tế là sự hợp tác của hai hay nhiều bên trong quá trình tham gia hoạt động, là sự hợp tác của các đối tác để đưa nông sản từ sản xuất đến tiêu thụ nhằm tìm kiếm những cơ hội đem lại lợi nhuận từ sự liên kết này. Có hai mô hình liên kết tiến bộ là liên kết ngang và liên kết dọc.

Quá trình liên kết kinh tế trong nông nghiệp sẽ đưa đến tích tụ ruộng đất, vốn, hình thành các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh và có khả năng hội nhập dọc trên cuối cung cấp.

Tiêu chí đánh giá liên kết kinh tế tiến bộ: Liên kết đảm bảo tôn trọng tính độc lập của các hộ SXNN; Liên kết phải tăng khả năng cạnh tranh của nông sản; Liên kết phải bền vững và đảm bảo phân chia lợi ích phù hợp; Liên kết đảm bảo nông sản đáp ứng được nhu cầu của thị trường.

### **1.2.6 Gia tăng kết quả sản xuất nông nghiệp**

Kết quả sản xuất nông nghiệp là số lượng sản phẩm, chất lượng và giá trị sản phẩm sau một chu kỳ sản xuất nhất định.

Gia tăng kết quả SXNN là số lượng sản phẩm và giá trị sản phẩm, cũng như sản phẩm hàng hóa và giá trị sản phẩm hàng hóa của nông nghiệp được sản xuất qua các năm và yêu cầu năm sau phải tăng cao hơn năm trước.

Tiêu chí đánh giá kết quả và gia tăng kết quả của sản xuất nông nghiệp: Số lượng sản phẩm hàng hóa các loại được sản xuất ra; Giá trị sản phẩm hàng hóa được sản xuất ra; Số lượng và giá trị sản lượng của từng năm; Mức tăng và tốc độ tăng của sản lượng qua các năm; Sản phẩm hàng hóa và giá trị sản phẩm hàng hóa qua các năm; Mức tăng và tốc độ tăng của sản phẩm hàng hóa, giá trị sản phẩm hàng hóa qua các năm; Đóng góp cho ngân sách nhà nước, cải thiện đời sống người lao động.

## **1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP**

### **1.3.1. Nhân tố thuộc về điều kiện tự nhiên**

*a. Điều kiện đất đai*

*b. Điều kiện khí hậu, thời tiết*

*c. Nguồn nước*

### **1.3.2 Nhân tố thuộc về điều kiện xã hội**

*a. Dân số và mật độ dân số, lao động*

*b. Truyền thống, văn hóa*

### **1.3.3. Nhân tố thuộc về điều kiện kinh tế**

- Nhân tố kinh tế, nhân tố thị trường.
- Nhân tố khoa học kỹ thuật và công nghệ.
- Các chính sách về nông nghiệp.
- Phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ THỜI GIAN QUA

#### 2.1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, XÃ HỘI, KINH TẾ CỦA HUYỆN ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

##### 2.1.1. Đặc điểm về điều kiện tự nhiên

*Thuận lợi:* Vị trí địa lý có nhiều cơ hội giao lưu kinh tế; địa hình đa dạng, có sông ngòi và hồ nước dày đặc, khí hậu và thổ nhưỡng thuận lợi phát triển sản xuất trồng cây lâu năm, trang trại chăn nuôi, sản xuất cây hằng năm, trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm nhỏ như nuôi lợn, trồng hồ tiêu, cao su....

*Khó khăn:* Địa hình tương đối phức tạp, có sự chia cắt, khí hậu phân hóa theo mùa, diễn biến thất thường, lại là nơi hội tụ của nhiều yếu tố bất lợi như bão, lũ lụt,... Quỹ đất sử dụng SXNN còn thấp, diện tích nhỏ, manh mún; thường bị lũ lụt, gió Tây khô nóng tác động xấu đến diện tích cây trồng.

##### 2.1.2. Đặc điểm về điều kiện xã hội

###### a. Dân số, mật độ dân số, lao động

*Dân số:* Bao gồm các dân tộc Kinh và Bru-Vân Kiều, với dân số trung bình là 45.160 người, chiếm khoảng 7,1% dân số toàn tỉnh; mật độ dân số đạt 131 người/km<sup>2</sup>, phân bố không đồng đều, tập trung ở vùng đồng bằng;

*Lao động:* Lao động nông nghiệp 14.801 người chiếm 54,68% lao động các ngành kinh tế; Cơ cấu lao động nông nghiệp ổn định.

###### b. Truyền thống, văn hóa

Nền văn hóa lâu đời về sản xuất lúa nước và nông sản truyền thống như hồ tiêu và cao su, mít ngọt, chè xanh, măng khô, mộc nhĩ.

##### 2.1.3. Đặc điểm kinh tế

###### a. Tăng trưởng kinh tế

Năm 2014, GTSX đạt 865.661 triệu đồng tốc độ tăng trưởng đạt 17%: NLTS chiếm 520.593 triệu đồng chiếm trên 60,1% GTSX tốc độ tăng trưởng 20.94%; CN - XD đạt 176.589 triệu đồng chiếm 20,4% tốc độ tăng trưởng 10,11%; TM – DV đạt 168.479 chiếm 19,5 % tốc độ tăng trưởng 13,05%.

### ***b. Cơ cấu kinh tế***

Cơ cấu GTSX ngành NLTS đạt 60,1% và có xu hướng tăng; trong khi đó các ngành CN-XD, TM-DV đều có xu hướng giảm.

### ***c. Thị trường các yếu tố đầu vào và tiêu thụ nông sản***

*Đối với thị trường đầu vào:* các loại vật tư, phân bón, thuốc trừ sâu, giống cây trồng, vật nuôi... ở trung tâm các xã có giao thông thuận lợi; *thị trường tiêu thụ* nông sản kém phát triển, giá cả nông sản bấp bênh, không ổn định, thường bị tư thương ép giá.

### ***d. Đặc điểm cơ sở hạ tầng***

Có 3 tuyến Quốc lộ dài 51 km; đường tỉnh lộ có tổng chiều dài 10,8 km; huyện lộ có 14 tuyến, tổng chiều dài 14,8 km; có 50 tuyến đường xã, liên thôn dài 149 km; các tuyến được bê tông, nhựa hoá 52,9 km, đạt 35,5%.

## **2.2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HUYỆN CAM LỘ TRONG THỜI GIAN QUA**

### **2.2.1. Số lượng cơ sở sản xuất nông nghiệp của huyện**

#### ***a. Số lượng kinh tế hộ gia đình***

Toàn huyện Cam Lộ có 12.056 hộ gia đình sinh sống, trong đó số hộ nông nghiệp có khoảng 9.467 hộ với quy mô sản xuất nhỏ bé, sản xuất trên diện tích 9.547,6 ha, hệ số sử dụng đất là 1,65 lần, nuôi được 24.741 con gia súc, 113.820 con gia cầm.

#### ***b. Số lượng kinh tế trang trại***

Toàn huyện có 06 trang trại, trong đó có 02 trang trại cây lâu năm, 01 trang trại chăn nuôi, 01 trang trại nuôi trồng thủy sản, 02 trang trại tổng hợp; số lượng trang trại có xu hướng giảm.

**Bảng 2.1. Số trang trại phân theo loại hình trang trại ở huyện Cam Lộ qua các năm**

Năm	Tổng số	CLN	Chăn nuôi	NTTS	Tổng hợp
2009	71	60	6	2	3
2010	70	61	6	2	3
2011	70	61	5	1	3
2012 -2014	6	2	1	1	2

(Nguồn: Chi cục thống kê huyện Cam Lộ)

### **c. Số lượng hợp tác xã nông nghiệp**

Huyện Cam Lộ hiện có 18 HTX, trong đó có 15 HTX nông nghiệp, hoạt động các dịch vụ của HTX vẫn còn ở quy mô và doanh số nhỏ.

### **d. Số lượng doanh nghiệp nông nghiệp**

Trên địa bàn huyện có khoảng 30 doanh nghiệp lớn, nhỏ; có một số doanh nghiệp nhỏ với dịch vụ phát triển nông nghiệp của huyện, như các công ty thức ăn gia súc, gia cầm, các công ty cung cấp giống, vườn ươm,...

### **e. Các hoạt động cung ứng dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp**

Trạm khuyến nông - khuyến ngư cung cấp giống mới, hỗ trợ dịch vụ kỹ thuật, phương pháp sản xuất tiên tiến cho nông dân.

#### **2.2.2. Chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp**

Từ bảng 2.2 có thể thấy, cơ cấu GTSX trồng trọt chiếm tỷ lệ cao và đang có xu hướng giảm, năm 2010 tỷ trọng GTSX trồng trọt từ 71,4% giảm xuống còn 55,3% vào năm 2014. Cơ cấu GTSX chăn nuôi có xu hướng tăng lên, năm 2010 chiếm 24,2% tăng lên 42,3% vào năm 2014; có sự chuyển dịch từ cơ cấu sản xuất trồng trọt sang chăn nuôi, và ngành chăn nuôi ngành càng trở thành nguồn thu chính cho việc sản xuất nông nghiệp.

**Bảng 2.2. Tình hình dịch chuyển cơ cấu GTSX nông nghiệp của huyện Cam Lộ giai đoạn 2010-2014**

DVT: %

STT	Chỉ tiêu	Năm				
		2010	2011	2012	2013	2014
1	Trồng trọt	71,4	64,5	65,4	66,4	55,3
2	Chăn nuôi	24,2	31,9	31,7	30,8	42,3
3	Dịch vụ	4,4	3,6	2,9	2,9	2,3
	Tổng	100	100	100	100	100

(Nguồn: Niên giám thống kê của huyện Cam Lộ năm 2014)

Cơ cấu GTSX cây công nghiệp chiếm tỷ trọng cao nhất, luôn chiếm khoảng 45%; cây lương thực chiếm 1/3 tỷ trọng GTSX của ngành trồng trọt và có xu hướng ổn định, năm 2010 từ 33,48% giảm xuống 31,58% vào năm 2014, giảm đi 1,9%; cây hàng năm khác, các loại cây trồng rau, đậu, cây ăn quả chiếm tỷ trọng GTSX thấp; GTSX ngành chăn nuôi gia súc chiếm tỷ trọng cao; năm 2014 GTSX chăn nuôi gia súc đạt 126.912 triệu đồng tăng 45.948 triệu đồng so với năm 2010 chiếm 83,97% GTSX chăn nuôi; cơ cấu GTSX chăn nuôi gia súc luôn chiếm trên 65%, có xu hướng tăng lên; cơ cấu GTSX gia cầm và sản phẩm không qua giết thịt giảm.

### **2.2.3. Quy mô các nguồn lực trong nông nghiệp của huyện**

#### **a. Đất đai**

Diện tích đất SXNN là 7.860 ha, chiếm 22,83% diện tích tự nhiên; Cơ cấu sử dụng đất lâm nghiệp đang có xu hướng chuyển sang đất SXNN, cơ cấu sử dụng đất SXNN vào năm 2014 là 22,83% tăng lên 4,97% so với năm 2009 chỉ có 17,86% đất tự nhiên.

#### **b. Lao động**

Lao động nông nghiệp chiếm tỷ lệ trên 50% lao động toàn huyện, có xu hướng tăng; tỷ lệ người lao động nông nghiệp ổn định; có sự gia tăng lao động đồng đều giữa các ngành. Về chất lượng, tuy số

lao động được đào tạo hàng năm có chiều hướng tăng dần nhưng phần lớn lao động nông nghiệp còn chưa qua đào tạo, trình độ tay nghề chủ yếu là lao động phổ thông.

### **c. Vốn**

Vốn đầu tư hàng năm của huyện có xu hướng giảm mạnh; vốn đầu tư cho nông nghiệp cũng giảm xuống rõ rệt, cụ thể năm 2010 vốn đầu tư cho nông nghiệp là 66.149 triệu đồng, đến năm 2014 chỉ còn có 5.945 triệu đồng; tỷ trọng vốn đầu tư cho nông nghiệp có xu hướng giảm.

Việc tiếp cận vay vốn sản xuất nông nghiệp ngày càng khó khăn; khả năng tiếp cận vay vốn đối với nông dân còn hạn chế; các nguồn vốn khác như vốn từ nhân dân, vốn doanh nghiệp, vốn các tổ chức phi chính phủ (NGO)...

### **d. Khoa học và công nghệ**

Khoa học và công nghệ được quan tâm hơn; đã có các đơn vị ứng dụng và chuyển giao tiến bộ của khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp như trạm khuyến nông, khuyến ngư; chi cục bảo vệ thực vật, thú y. Tuy nhiên, số lượng cán bộ làm công tác khoa học ngành nông nghiệp cơ sở còn thiếu và yếu; thiếu trang thiết bị phục vụ cho công tác nghiên cứu, thử nghiệm nên việc đổi mới và ứng dụng các tiến bộ trong SXNN hạn chế.

#### **2.2.4. Tình hình thâm canh trong nông nghiệp của huyện**

Giá trị sản phẩm thu hoạch được trên 1ha đất trồng trọt của các cây hàng năm tăng lên, năm 2014 giá trị sản phẩm các cây hàng năm đạt 69,5 triệu đồng/ha, cao hơn so với năm 2010 là 31,8 triệu đồng/ha.

Qua bảng 2.4, có thể thấy thâm canh trong nông nghiệp đã từng bước cải thiện và góp phần đưa năng suất và sản lượng các loại cây trồng tăng lên. Tuy nhiên chỉ có lúa và sắn có mức tăng tương đối, trong khi đó năng suất của ngô có xu hướng giảm rõ rệt do giống cũ và

qua quá nhiều đời (f1, f2,..) dẫn đến khả năng chống chịu sâu bệnh kém, sản lượng kém chất lượng, số lượng.

**Bảng 2.3. Tình hình năng suất của một số loại cây trồng trên địa bàn huyện Cam Lộ, giai đoạn 2010-2014**

ĐVT: Tạ/ha

STT	Cây trồng	Năm				
		2010	2011	2012	2013	2014
1	Lúa	42,6	43,5	49,03	42,7	52,3
2	Ngô	24,8	22	18,2	14,7	15,6
3	Sắn	181,4	186	200	183	246
4	Lạc	16	13	17,3	19,7	11,9

(Nguồn: Niên giám thống kê huyện Cam Lộ qua các năm)

Cơ sở vật chất phục vụ thâm canh trong nông nghiệp ngày càng được hoàn thiện, số trạm bơm và hệ thống thủy lợi được nâng cấp, đầu tư xây mới; diện tích đất cày, bừa thực hiện bằng máy; diện tích tưới tiêu được gia tăng.

Tuy nhiên, vấn đề thâm canh còn gặp nhiều hạn chế đó là: chưa sử dụng đại trà và phổ biến các giống cây trồng có năng suất, chất lượng cao; công tác chăm sóc và bón phân không được quan tâm.

### **2.2.5. Tình hình liên kết sản xuất trong nông nghiệp của huyện**

- Mô hình hợp tác liên kết: công ty cổ phần Tổng Công ty Thương mại Quảng Trị, nhà máy chế biến tinh bột sắn, đại học Nông lâm Huế, Công ty cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị là những đầu mối để liên kết tạo ra thể "4 nhà" trong phát triển nông nghiệp chiều sâu.

- Chưa có sự liên kết giữa các nông hộ với nhau; trang trại chưa chủ động liên kết với các doanh nghiệp trong quá trình SXNN hàng hóa.



## 2.2.6. Kết quả sản xuất nông nghiệp của huyện

**Bảng 2.4. Kết quả GTSX NLTS của huyện thời gian qua**

DVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm				
		2010	2011	2012	2013	2014
1	Nông nghiệp	301.141	364.475	367.847	392.709	475.776
2	Lâm nghiệp	18.089	22.749	18.287	27.669	32.634
3	Thủy sản	6.313	8.044	10.077	10.077	12.183
	GTSX NLTS	325.543	395.268	396.211	430.455	520.593

(Nguồn: Niên giám thống kê huyện Cam Lộ qua các năm)

Qua bảng 2.5, có thể thấy kết quả GTSX SXNN chiếm 91,4% GTSX NLTS, đạt 475.776 triệu đồng vào năm 2014, tốc độ tăng trưởng so với năm trước đạt 21,25%, GTSX nông nghiệp có xu hướng tăng. Trong kết quả SXNN, trồng trọt đóng góp nhiều nhất; chăn nuôi đang dần dần chứng tỏ vai trò qua việc tăng GTSX hàng năm.

### a. Trồng trọt

Năm 2014, GTSX trồng trọt đạt 263.216 triệu đồng cao hơn 1.25 lần so với năm 2010; GTSX cây lương thực đạt 74.054 triệu đồng cao hơn 1,2 lần so với năm 2010, gồm 2 loại cây trồng là lúa và ngô, tổng sản lượng đạt 15.041 tấn, tăng 1,22 lần so với năm 2013 với diện tích canh tác 3.007,6ha; GTSX rau và đậu đạt 3.406 triệu đồng, có xu hướng giảm; GTSX cây công nghiệp chiếm hơn 50%, đạt 107.594 triệu đồng, có xu hướng tăng; diện tích các loại cây trồng có xu hướng tăng lên rõ rệt; năng suất các loại cây trồng tăng, giảm theo từng loại cây trồng.

### b. Chăn nuôi

Năm 2014, GTSX chăn nuôi đạt 201.443 triệu đồng tăng gấp 2,76 lần so với năm 2010; GTSX đàn gia súc đạt 169.150 triệu đồng tăng hơn 120.799 triệu đồng so với năm 2010, có xu hướng tăng; GTSX chăn nuôi gia cầm đạt 29.482 triệu đồng, chiếm 14,6% GTSX

ngành chăn nuôi; GTSX của các sản phẩm không qua giết thịt có xu hướng giảm.

Năm 2014 đàn gia súc có 24.741 con: đàn heo 16.729 con, đàn trâu 1.663 con, đàn bò 5.914, đàn dê 435 con; đàn gia cầm có 113.820 con; cơ cấu GTSX chăn nuôi có xu hướng tăng, chiếm tỷ trọng cao những năm gần đây.

### ***c. Phát triển cơ giới hóa và dịch vụ nông nghiệp nông thôn***

Các hộ gia đình, các hợp tác xã đã mua sắm được nhiều máy cày, bừa, máy gặt đập liên hợp,...; Các dịch vụ khuyến nông - khuyến ngư hỗ trợ về cách thức sản xuất, hướng dẫn sử dụng máy móc, thiết bị vào SXNN,...

### ***d. Thực trạng đời sống của người dân huyện Cam Lộ***

Toàn huyện có 807 hộ nghèo, chiếm 6,69%; số hộ cận nghèo là 819 hộ, chiếm 6,79%; tỷ lệ hộ thoát nghèo chiếm 3,02% tương đương với 365 hộ và không có hộ nào tái nghèo trong năm 2014; lương thực bình quân đầu người đạt 333kg/người; thu nhập bình quân đầu người 26,2 triệu đồng/năm; huyện có 4/9 xã, thị trấn đạt danh hiệu đơn vị văn hóa, 96,4% gia đình văn hóa,...

### ***e. Thực trạng đóng góp của nông nghiệp trong tổng GTSX của huyện***

Năm 2014, GTSX nông nghiệp đạt 475.776 triệu đồng, tăng 174.635 triệu đồng, tăng 57,99% so với năm 2010, có xu hướng tăng liên tục; GTSX nông nghiệp đóng góp chủ yếu vào GTSX của huyện, chiếm 54,96%.

## **2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HUYỆN CAM LỘ**

### **2.3.1. Kết quả đạt được**

- Số lượng HTX, doanh nghiệp nông nghiệp có xu hướng tăng.
- Cơ cấu các ngành trong nông nghiệp có hướng chuyển dịch phù hợp.
- Huyện rất biết chú trọng và phát huy các nguồn lực sẵn có.

- Chú trọng thâm canh sản xuất.
- Các mô hình liên kết sản xuất tiến bộ bước đầu đã được hình thành.
- Nâng cao thu nhập, tạo ra công ăn việc làm cho người lao động....

### **2.3.2. Hạn chế**

- Số lượng trang trại ít; GTSX chủ yếu do kinh tế hộ gia đình tạo ra.
- Tỷ trọng dịch vụ nông nghiệp quá thấp.
- Diện tích đất hạn chế, bình quân của từng hộ thấp.
- Công tác chăm sóc và bón phân không được quan tâm.
- Chưa có sự liên kết tiến bộ giữa các nông hộ, trang trại, HTX...
- Sản xuất ở nông thôn chưa hiệu quả, thiếu năng động, nhện bén,...

### **2.3.3. Nguyên nhân của các hạn chế**

- Địa hình phân vùng rõ rệt bao gồm đồi núi thấp và đồng bằng, chia cắt; lượng mưa theo mùa, có mùa khô hạn, thời tiết thời hay xảy ra thiên tai.
- Quỹ đất SXNN ít, đất trồng cây lương thực chủ yếu ở vùng đồng bằng, diện tích ít, khó khăn trong việc mở rộng diện tích sản xuất.
- Xuất phát điểm SXNN thấp; trình độ, cơ sở hạ tầng hạn chế.
- Số lượng số lượng trang trại, HTX, doanh nghiệp nông nghiệp có quy mô nhỏ, ít, thiếu vốn đầu tư; trình độ, năng lực tổ chức sản xuất hạn chế.
- Cơ cấu SXNN dịch vụ nông nghiệp chưa được chú trọng.
- Quy mô sử dụng các nguồn lực còn khiêm tốn, lao động đào tạo ít.
- Trình độ thâm canh trong nông nghiệp còn thấp.
- Liên kết trong SXNN còn rất nhiều hạn chế.

- Công tác thu hoạch, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản, công tác khuyến nông, phòng trừ sâu, dịch bệnh còn hạn chế.

- Công tác quản lý điều hành, chỉ đạo còn nhiều bất cập; đội ngũ cán bộ nông nghiệp còn thiếu và trình độ chuyên môn chưa chuyên sâu.

- Hệ thống các dịch vụ phục vụ phát triển nông nghiệp còn quá mỏng, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu phát triển nông nghiệp của huyện.

### **CHƯƠNG 3**

## **GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

### **3.1. CĂN CỨ ĐỀ XÂY DỰNG CÁC GIẢI PHÁP**

#### **3.1.1. Xu hướng phát triển nông nghiệp**

Nông nghiệp phát triển theo hướng hiện đại CNH-HĐH, hiệu quả, bền vững, nhiều sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động; tỷ lệ lao động nông nghiệp khoảng 30-35% lao động xã hội; nông nghiệp, nông thôn có vai trò quan trọng, là cơ sở và lực lượng nòng cốt để phát triển kinh tế- xã hội bền vững, giữ gìn ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước.

Xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, phát triển các ngành dịch vụ: điện, thủy lợi, cung cấp phân bón, giống mới, thuốc trừ sâu, các dịch vụ bảo vệ thực vật; chăm sóc vật nuôi, cây trồng kết hợp với sơ chế tại chỗ, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm và vận chuyển hàng hóa.

#### **3.1.2. Định hướng phát triển nông nghiệp của huyện**

##### **a. Về kinh tế - xã hội**

Phát triển kinh tế của huyện theo hướng sản xuất hàng hóa, phát huy nhân tố con người, nâng cao trình độ dân trí, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ lao động để đáp ứng yêu cầu sự

phát triển xã hội...Phân đầu đến năm 2020, tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân tăng từ 16-17%/năm. GTSX bình quân đầu người/năm là 92 triệu đồng. Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân 0,05-0,06%, hàng năm giải quyết đến 600-700 lao động, giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm 2,5-3%/năm...

### ***b. Về nông nghiệp***

Phát triển toàn diện các ngành nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với thị trường; từng bước thực hiện CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn, nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất nông nghiệp; đến năm 2020, tốc độ tăng trưởng GTSX NLTS chung toàn ngành đạt 7-8%, đạt 277 tỷ đồng, trong đó nông nghiệp tăng 7,4%, lâm nghiệp tăng 7,4%, thủy sản 7,1%.

#### **3.1.3. Các yêu cầu khi xây dựng giải pháp**

Phát triển nông nghiệp gắn liền với tăng thu nhập, cải thiện cuộc sống người dân; xuất phát từ nhu cầu thị trường; gắn với hiệu quả, chọn sản phẩm chủ lực có giá trị gia tăng cao; đảm bảo mục tiêu giữ vững an ninh trật tự, an ninh quốc phòng.

## **3.2. CÁC GIẢI PHÁP CỤ THỂ**

### **3.2.1. Phát triển các cơ sở sản xuất nông nghiệp**

#### ***a. Phát huy và nâng cao năng lực kinh tế hộ gia đình***

Ưu tiên hộ nông dân được sử dụng giá trị quyền sử dụng đất để góp vốn cổ phần, liên doanh, liên kết với doanh nghiệp hoặc cho doanh nghiệp thuê đất sau đó nông dân được sản xuất trên đất đã góp cổ phần và bán lại nông sản cho doanh nghiệp, tạo sự gắn kết bền vững giữa nông dân và doanh nghiệp; Cải thiện thêm môi trường, tâm lý, tư tưởng và pháp lý về vai trò, vị trí và quan hệ kinh tế của hộ gia đình nông dân với đời sống kinh tế - xã hội. Nâng cao tích lũy và tiết kiệm của kinh tế hộ, tăng cường cung cấp tín dụng, cung cấp các dịch vụ kỹ thuật- khuyến nông cho nông hộ; Phát triển các hộ theo hướng chuyên môn hóa, kết hợp tốt giữa sản xuất với chế biến, bảo quản, vận chuyển

sản phẩm hàng hóa của kinh tế nông hộ để có được sức cạnh tranh trên thị trường.

### ***b. Đầu tư, mở rộng phát triển kinh tế trang trại***

Tăng số lượng tất cả các loại trang trại trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và trang trại kinh doanh tổng hợp, có các chính sách về vốn, giao đất; khuyến khích phát triển kinh tế trang trại theo mô hình nông, lâm, thủy sản kết hợp: thí điểm các trang trại làm ăn có hiệu quả, từ đó nhân rộng ra; tạo điều kiện thuê đất, cấp quyền sử dụng đất cho các dự án và mở rộng diện tích trang trại; khuyến khích chuyển nhượng, dồn điền, đổi thửa tạo điều kiện tích tụ ruộng đất, chuyển đổi từ đất khác sang trang trại chuyên canh hoặc kết hợp; đầu tư cho công tác khuyến nông, khuyến ngư, khuyến lâm để chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ cho trang trại, đưa các giống cây trồng, vật nuôi có phẩm chất tốt, sản phẩm chất lượng cao vào sản xuất; khuyến khích các cơ sở đào tạo tham gia đào tạo nguồn nhân lực; mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản tại chỗ.

### ***c. Phát triển hợp tác xã***

Phát triển HTX của thành phần kinh tế tập thể, phải đồng bộ gắn kết với các thành phần kinh tế khác, khuyến khích xây dựng mô hình HTX kiểu mới. Phát triển các HTX nông nghiệp và hình thành các HTX nông nghiệp, các tổ hợp tác sản xuất, chế biến làm một số dịch vụ hoặc kinh doanh tổng hợp trong lĩnh vực nông nghiệp; Sáp nhập, hợp nhất các HTX nông nghiệp có quy mô sản xuất nhỏ, thành HTX có quy mô lớn hơn; khuyến khích thành lập mới các HTX nông nghiệp, tổ hợp tác chuyên ngành; đẩy mạnh liên doanh, liên kết giữa các HTX với nhau, với các trang trại, doanh nghiệp để có thể huy động vốn, tiếp thu kinh nghiệm quản lý, khoa học kỹ thuật, công nghệ để phát triển kinh tế hộ và kinh tế HTX.

### ***d. Khuyến khích đầu tư vốn, thu hút vốn, trình độ phát triển các doanh nghiệp nông nghiệp***

Có những chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp mở rộng quy mô sản xuất, liên kết với kinh tế hộ gia đình, trang trại, HTX;

khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào chăn nuôi thông qua liên kết với nông dân... ; phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn, khuyến khích, kêu gọi các nhà đầu tư vào chế biến NLTS, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, các dịch vụ nông nghiệp; ưu tiên cho doanh nghiệp thu hút lao động tại địa phương.

### **3.2.2. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp**

Chuyển dịch theo hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng thấp sang các loại cây trồng, vật nuôi có hiệu quả năng suất cao và mang lại lợi ích kinh tế cao; phát triển nông nghiệp theo hướng chuyên môn hóa sản xuất; tập trung phát triển đàn gia súc gồm đàn bò, đàn trâu, đàn heo gồm heo lai, heo rừng lai, heo cỏ.

Chuyển dịch cơ cấu SXNN đúng mục tiêu cần có kế hoạch dài hạn: phát triển nông nghiệp theo vùng lãnh thổ; phát triển trồng trọt tập trung trồng và phát triển các loại cây chủ lực trên địa bàn huyện thành các vùng chuyên canh lúa, ngô, sắn, cao su, hồ tiêu; phát triển vật nuôi chủ lực: chăn nuôi lợn với quy mô lớn, bò lai, trâu và các loại gia cầm như gà ta, vịt cỏ; bên cạnh đó cần chú trọng phát triển dịch vụ sản xuất nông nghiệp.

### **3.2.3. Tăng cường các nguồn lực trong nông nghiệp**

#### ***a. Sử dụng hợp lý, có hiệu quả đất đai***

Quy hoạch chi tiết sử dụng đất kết hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới đến địa bàn từng xã để sử dụng đất đai có kế hoạch và bố trí cây trồng phù hợp đến từng thửa đất; quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất nông nghiệp và đất có khả năng nông nghiệp; tạo điều kiện thuận lợi cho việc thuê đất; đẩy nhanh việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các chủ trang trại, hộ gia đình được giao đất phát triển theo quy hoạch.

#### ***b. Tăng cường hướng dẫn, đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp***

Khuyến khích các cơ sở đào tạo tham gia vào hoạt động đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn; nâng

cao trình độ, chất lượng lao động trong nông nghiệp; nâng cao trình độ quản lý sản xuất kinh doanh và trình độ ứng dụng khoa học kỹ thuật vào trong nông nghiệp; quy định mức tiền lương tối thiểu trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp phù hợp với đặc điểm đặc thù lao động ngành nghề.

### ***c. Ưu tiên đầu tư vốn trong nông nghiệp***

Sử dụng hợp lý và có hiệu quả các nguồn vốn ngân sách, vốn các chương trình hợp tác quốc tế, vốn ODA, NGO, doanh nghiệp, nhân dân vào phát triển nông nghiệp; thành lập quỹ cho vay phát triển nông nghiệp; phối hợp với các chương trình, dự án Phân cấp giảm nghèo (DPPR), khuyến nông, nguồn vốn giải quyết việc làm để cho vay phát triển nông nghiệp;

Tăng cường các biện pháp tạo vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nông nghiệp.

### ***d. Không ngừng áp dụng khoa học, kỹ thuật tiên bộ trong sản xuất nông nghiệp***

Chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ cho SXNN, đưa các giống có phẩm chất tốt, sản phẩm chất lượng cao vào sản xuất; bố trí cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên và sinh thái của huyện; khuyến khích các hình thức liên kết và hợp tác trong nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ nông nghiệp; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm dịch giống, thực hiện quy trình sản xuất, du nhập giống chất lượng cao và sạch bệnh.

## **3.2.4. Tăng cường thâm canh trong nông nghiệp**

### ***a. Nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi và năng suất ruộng đất***

Để nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi và năng suất ruộng đất đòi hỏi công tác đầu tư cho khoa học công nghệ phải được chú trọng; đẩy mạnh thực hiện lai tạo giống mới cho năng suất cao; tăng cường cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp; có chính sách hỗ trợ về vốn tạo ra nhiều cơ hội đầu tư cơ giới hóa vào nông nghiệp; khuyến



khích các hoạt động nghiên cứu trong chế tạo, cải chế những loại máy móc phù hợp, giá thành thấp, dễ sử dụng.

***b. Phát huy tối đa hiệu quả sử dụng các nguồn lực***

Chú trọng tăng cường việc mở rộng thị trường cung cấp các yếu tố đầu vào trong SXNN; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nghề, nâng cao trình độ cho lao động nông nghiệp.

**3.2.5. Chọn lựa, áp dụng các mô hình liên kết hợp lý, hiệu quả**

- Đẩy mạnh chương trình hợp tác, liên doanh với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

- Khuyến khích phát triển hình thức liên kết giữa các hộ nông dân, tổ hợp tác, các HTX, các trang trại, doanh nghiệp nông nghiệp; thành lập HTX hiệp hội ngành hàng hóa, tiêu thụ sản phẩm.

- Liên kết “4 nhà”: Nhà nông, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học, nhà nước.

**3.2.6. Gia tăng kết quả sản xuất và lợi ích kinh tế trong sản xuất nông nghiệp**

- Không ngừng mở rộng quy mô SXNN nhằm gia tăng số lượng, chất lượng các sản phẩm nông nghiệp.

- Nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi, năng suất ruộng đất, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Thường xuyên đánh giá hiệu quả hoạt động của mô hình kinh tế trang trại, HTX.

**3.2.7. Các giải pháp khác**

***a. Giải pháp về thị trường tiêu thụ nông sản***

- Quy hoạch phát triển hệ thống chợ, các điểm bán nông sản.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào chế biến nông sản.

- Khuyến khích các chủ trang trại đầu tư mở rộng quy mô sản xuất.

***b. Giải pháp về quy hoạch hoàn thiện cơ sở hạ tầng nông thôn***

- Quy hoạch phát nông nghiệp đảm bảo vệ sinh môi trường; hoàn thiện cơ sở hạ tầng nông thôn.

***c. Giải pháp về đề xuất hoàn thiện một số chính sách liên quan đến phát triển nông nghiệp***

Chính sách: đất đai, thuế, tính dụng, phát triển nguồn nhân lực,...

***d. Các giải pháp khác***

- Về môi trường và nâng cao chất lượng sản phẩm nông sản.

## **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **A. KẾT LUẬN**

Với mục tiêu nghiên cứu, luận văn đã hoàn thành được một số nội dung sau đây: hệ thống hóa các vấn đề lý luận liên quan đến phát triển nông nghiệp; phân tích thực trạng phát triển nông nghiệp huyện Cam Lộ thời gian qua; đề xuất giải pháp để phát triển nông nghiệp huyện Cam Lộ.

### **B. KIẾN NGHỊ**

- Đối với chính phủ:

Có những chính sách mạnh, phù hợp để tăng cường nâng cao dân trí cho khu vực nông thôn; miễn giảm thuế đối với sản xuất và thu nhập từ nông sản; ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết, cách thức tổ chức thực hiện dưới luật liên quan đến đất nông nghiệp; có chính sách hỗ trợ nông dân khi chuyển giao đất để chuyển đổi sinh kế, nghề nghiệp và việc làm mới; ưu tiên vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông nghiệp nông thôn; có các chính sách hỗ trợ nông dân, HTX, nhà khoa học, doanh nghiệp để đảm đương được các nhiệm vụ, vai trò của mình trong liên kết;

- Đối với tỉnh Quảng Trị:

Có cơ chế đặc thù hỗ trợ sản xuất lương thực đối với nông dân về vốn đầu tư, cải tạo đồng ruộng, hỗ trợ giống, phân bón; hỗ trợ đảm bảo điều kiện an sinh xã hội; có chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại nhỏ; hoàn thiện các chính sách áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào SXNN.